

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về Chuyển đổi số năm học 2026-2027

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 13/4/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; Công văn số 6020/BGDĐT-KHCNTT ngày 08/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số năm học 2026-2027; Kế hoạch số 3676/KH-SGDĐT ngày 30/9/2026 của Sở GD&ĐT Hà Tĩnh về chuyển đổi số, UBND xã xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số (CĐS) năm học 2026 - 2027 như sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của năm học 2026 - 2027, gắn trực tiếp với đổi mới phương thức quản lý, quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá và cung cấp dịch vụ giáo dục. Việc triển khai phải được kiểm đếm bằng sản phẩm, kết quả và tác động cụ thể.

2. Chuyển đổi mạnh từ dữ liệu phân tán sang dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từ phần mềm riêng lẻ sang nền tảng số dùng chung, kết nối, liên thông; từ ứng dụng AI tự phát sang ứng dụng AI an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm; dữ liệu là nền tảng của chuyển đổi số, phải được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục Hà Tĩnh kết nối với IOC, và CSDL ngành của bộ dữ liệu của Bộ GDĐT.

3. Tổ chức thực hiện theo tinh thần “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực, có tác động rõ rệt, bảo đảm khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Lấy người học và nhà giáo làm trung tâm, lấy sự thuận tiện, hiệu quả và chất lượng phục vụ làm thước đo; chuyển đổi số phải góp phần giảm thủ tục, hồ sơ, báo

cáo, thao tác thủ công và gánh nặng hành chính. Thực hiện nguyên tắc “dữ liệu cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần”; không yêu cầu cung cấp lại thông tin, nhập lại dữ liệu hoặc báo cáo số liệu đã có và có thể khai thác, sử dụng theo quy định

5. Phòng Văn hóa - Xã hội và các phòng, ban thuộc UBND, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; tham gia, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai để Kế hoạch thực hiện đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tổ chức thực hiện chuyển đổi số

a) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả và kết quả thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm học 2026 - 2027 theo nguyên tắc “6 rõ”; tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực, có sản phẩm, kết quả cụ thể; tránh hình thức, dàn trải.

c) Kiện toàn đầu mối, nhân lực và cơ chế phối hợp thực hiện; gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận: chuyên môn, công nghệ và dữ liệu; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chung, gắn với hoạt động chuyên môn của từng đơn vị, không chỉ là nhiệm vụ của bộ phận công nghệ thông tin.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng và khai thác dữ liệu giáo dục

a) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật đầy đủ dữ liệu về cơ sở giáo dục, người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Hoàn thành đợt rà soát, làm sạch dữ liệu trước ngày 30/10/2026 và duy trì cập nhật thường xuyên.

b) Triển khai học bạ số thống nhất, bảo đảm dữ liệu học bạ được tạo lập từ dữ liệu gốc của cơ sở giáo dục, được kiểm tra, phê duyệt, ký số và đồng bộ lên cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT và I-HaTỉnh; từng bước hình thành hồ sơ học tập số, hồ sơ học tập suốt đời của mỗi người học.

c) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật dữ liệu văn bằng, chứng chỉ. Đối với văn bằng, chứng chỉ lịch sử của những người sinh từ năm 1970 trở lại đây, hoàn thành rà soát, số hóa và đồng bộ lên cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT trước ngày 30/11/2026.

d) Tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ trên môi trường số; hạn chế tối đa việc tạo thêm đầu mối thu thập, cập nhật dữ liệu.

3. Triển khai các nền tảng số dùng chung

a) Thực hiện thí điểm Nền tảng số quốc gia quản trị giáo dục và đào tạo theo kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GDĐT, bao gồm Nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và Nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành giáo dục; xây dựng CSDL ngành giáo dục Hà Tĩnh dùng chung trong hoạt động quản lý, quản trị giáo dục kết nối liên thông với IOC tỉnh, I- Hà Tĩnh, CSDL ngành của Bộ GDĐT.

b) Tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

c) Rà soát các phần mềm, hệ thống thông tin đang sử dụng; thực hiện kết nối, tích hợp với các nền tảng số dùng chung theo tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật của Bộ GDĐT.

4. Đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

a) Tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế; từng bước tổ chức kiểm tra, đánh giá trên môi trường số, trên máy tính tại các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện, bảo đảm công bằng, an toàn và bảo mật.

b) Phát triển, chuẩn hóa, khai thác và chia sẻ học liệu số, ngân hàng câu hỏi, thư viện điện tử, thư viện số; phối hợp phát triển Kho học liệu số dùng chung của ngành.

c) Đối với giáo dục mầm non, ứng dụng công nghệ số chủ yếu để hỗ trợ quản trị, phát triển chuyên môn nhà giáo, thiết kế hoạt động giáo dục và phối hợp với gia đình; bảo đảm sức khỏe, an toàn, quyền riêng tư và phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi của trẻ.

5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm trong giáo dục

a) Lựa chọn các bài toán phù hợp để triển khai, thí điểm ứng dụng AI trong các hoạt động giáo dục; khuyến khích ứng dụng AI hỗ trợ nhà giáo trong chuẩn bị bài, xây dựng học liệu, thiết kế hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học; hỗ trợ cán bộ quản lý trong tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự báo, ra quyết định và thực hiện các nhiệm vụ hành chính. Việc sử dụng kết quả do AI tạo ra phải được kiểm chứng về tính chính xác, phù hợp; AI không thay thế trách nhiệm chuyên môn và trách nhiệm ra quyết định của nhà giáo, cán bộ quản lý.

b) Phối hợp triển khai, thí điểm Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia ứng dụng AI có kiểm soát theo kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GDĐT; tổ chức đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ an toàn và tác động đối với nhà giáo, người học trước khi xem xét triển khai trên diện rộng.

c) Các cơ sở giáo dục rà soát ban hành quy định, quy tắc sử dụng AI phù hợp với đối tượng người học và hoạt động giáo dục; quy định rõ các trường hợp được sử dụng, hạn chế hoặc không được sử dụng AI, trách nhiệm của người sử dụng và yêu cầu về an toàn dữ liệu, minh bạch, kiểm chứng, độ tin cậy của nội dung và liêm chính học thuật.

6. Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) Rà soát, bảo đảm hạ tầng số, kết nối Internet và thiết bị đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá và sử dụng các nền tảng số; ưu tiên khắc phục khó khăn về điện, kết nối và thiết bị tại vùng khó khăn, miền núi, hải đảo và các điểm trường lẻ. Tăng cường sử dụng hạ tầng, nền tảng, dịch vụ dùng chung và thuê dịch vụ công nghệ thông tin, điện toán đám mây phù hợp theo quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, an toàn và khả năng mở rộng.

b) Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, khắc phục lỗ hổng, điểm yếu; thực hiện sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu và xây dựng phương án ứng phó, xử lý sự cố đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

c) Tăng cường quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, nhật ký hệ thống; kiểm soát việc truy cập, khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu; nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách CNTT, CDS

a) Đối với Phòng Văn hóa - Xã hội (hoặc bộ phận chuyên môn phụ trách lĩnh vực giáo dục) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Phân công lãnh đạo và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS trong lĩnh vực giáo dục.

b) Đối với các cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức phụ trách CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS của đơn vị.

2. Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong Sở GDĐT, các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục mầm non theo các văn bản của Bộ GDĐT phù hợp với thực tế tại địa phương.

3. Tăng cường công tác quản lý đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu: Các cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý hệ thống thông tin và CSDL ngành giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục.

4. Đảm bảo nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật

a) Rà soát và tham mưu các cấp chính quyền bố trí đủ nguồn lực bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai hiệu quả ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối internet trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL ngành giáo dục. Xây dựng cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định.

5. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực CDS trong giáo dục

a) Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo, nhân viên, người học về vai trò, vị trí của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm máy tính, phần mềm phòng chống virus có bản quyền.

b) Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê trong giáo dục (có thể lồng ghép chung vào kế hoạch kiểm tra hàng năm).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ CNTT, CDS hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban tương đương thuộc UBND xã căn cứ vào Kế hoạch nhiệm vụ triển khai thực hiện, tham mưu các nội dung liên quan thuộc trách nhiệm kịp thời hiệu quả.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội phân công nhân sự phụ trách thực hiện nhiệm vụ CDS; triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về Chuyển đổi số năm học 2026-2027, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về Chuyển đổi số năm học 2026-2027 có hiệu quả.

3. Các cơ sở giáo dục (sau khi kết thúc học kỳ I), tổng kết (sau khi kết thúc năm học) đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS năm học 2026-2027, gửi về Sở GDĐT theo các mốc thời gian sau:

- Báo cáo sơ kết: Trước ngày 20/01/2027.
- Báo cáo tổng kết: Trước ngày 10/6/2027.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về Chuyển đổi số năm học 2026-2027, UBND xã đề nghị các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc liên hệ về UBND xã qua Phòng Văn hóa - Xã hội để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT, TT Đảng ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban cấp xã;
- Các trường: MN, TH, THCS;
- Lưu VT, VHXX. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chiến

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 1
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo kế hoạch số: /KH-SGDĐT ngày /9/2026 của Sở GDĐT)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục Hà Tĩnh kết nối IOC, CSDL ngành của Bộ GDĐT	Văn phòng Sở	Các phòng trực thuộc Sở; các cơ sở GD; phòng VHXX các phường, xã.	Trước 30/10/2026	Dữ liệu 'đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất'.
2	Xây dựng các lớp dữ liệu hệ thống Dashboard	Văn phòng Sở	Các phòng trực thuộc Sở; các cơ sở GD; phòng VHXX các phường, xã.	Trước 30/10/2026	Cập nhật các lớp dữ liệu lên hệ thống Dashboard theo mốc thời gian quy định
3	Triển khai học bạ số	Phòng GDPT	Phòng GDNNGDTEX; Các cơ sở giáo dục; các đơn vị cung cấp phần mềm	Thường xuyên; đồng bộ theo TT 70/2026	Học bạ số ký số, đồng bộ CSDL Bộ
4	Kết nối CSDL học bạ số lên i-HaTinh	Văn phòng Sở	Phòng GDPT, các đơn vị liên quan	Trước 15/10/2026	Icon trên i-HaTinh, truy cập xem điểm học sinh
5	Số hoá văn bằng THCS, THPT (sinh từ 1970)	Phòng QLCL	Các cơ sở giáo dục	Trước 30/11/2026	Cập nhật dữ liệu lên Hệ thống (của Bộ GDĐT)
6	Số hóa văn bằng chứng chỉ (Bằng Cao đẳng, Bằng Trung cấp, Chứng chỉ Ngoại	Phòng GDNNGDTEX	Các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDTX tỉnh	Trước 20/11/2026	Cập nhật dữ liệu lên Hệ thống (của Bộ GDĐT)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm
	Ngữ, Chứng chỉ Tin học,....				
7	Triển khai nền tảng quản trị giáo dục Quốc gia smis/ioc.moet.edu.vn	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn	Theo Kế hoạch của Bộ GDĐT	Tài khoản vận hành, báo cáo thí điểm
8	Đổi mới dạy học trên môi trường số	Phòng GDPT	Các cơ sở GD đủ điều kiện	Theo năm học	Số cơ sở tổ chức dạy học trên môi trường số
9	Triển khai ứng dụng phần mềm trong phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Phòng GDNN-GDTEX	Các phòng thuộc Sở; UBND các xã phường	Hoàn thành trước 30/01/2027	Tập huấn sử dụng phần mềm; cập nhật dữ liệu về phổ cập giáo dục; đánh giá mức độ phổ cập giáo dục
10	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên	Phòng GDNN-GDTEX	Các trường cao đẳng, trường trung cấp; các trung tâm GDNN-GDTEX	Trước 30/12/2026	Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học
11	Đổi mới tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh (Chấm bài trên máy)	Phòng QLCL	Các phòng và tương đương thuộc Sở, các cơ sở giáo dục	Trước 01/4/2027	Các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh
12	Bảo đảm hạ tầng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Văn phòng Sở	Các phòng trực thuộc Sở; các cơ sở GD; phòng VHXH các phường, xã.	Thường xuyên	Báo cáo đánh giá an toàn hệ thống
13	Xây dựng hệ thống quản lý trường học đối với GDMN	GDMN-HSSV	Văn phòng phối hợp	3/2027	Hệ thống quản lý GDMN Hà Tĩnh kết nối

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm
					với CSDL ngành Giáo dục Hà Tĩnh, IOC tỉnh và CSDL Ngành của Bộ GDĐT

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 2

MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC

(Kèm theo kế hoạch số: /KH-SGDĐT ngày /9/2026 của Sở GDĐT)

1. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.
2. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.
3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15.
4. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15.
5. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
6. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/03/2026 quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.
7. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.
8. Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/06/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.
9. Nghị quyết 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi Bộ GDĐT.
10. Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
11. Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
12. Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

19. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học.

20. Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

21. Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

22. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

23. Quyết định số 2238/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2026 về Khung Kiến trúc Chính phủ số Bộ GDĐT phiên bản 4.0.

24. Quyết định số 1866/QĐ-BGDĐT ngày 29/6/2026 về Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu.

25. Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2025 về chuẩn dữ liệu học bạ số.

26. Quyết định số 1009/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2026 về kết nối, khai thác học bạ số, văn bằng số.

27. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

28. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

29. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

30. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; người lao động trong các doanh nghiệp; người dân.

31. Quyết định số 1829/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục.

32. Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt bộ tài liệu, học liệu và công cụ kiểm tra, đánh giá thuộc Chương trình phổ cập kỹ năng số, phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phổ cập kỹ năng số trong toàn xã hội.

33. Kế hoạch số 953/KH-BGDĐT ngày 10/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục

34. Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

35. Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 13/4/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
